TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 216/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 07 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 291/2026/HNGĐ-TLST ngày 15 tháng 7 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1978; số CCCD: 019178001174

- Bị đơn: Anh Hà Văn N, sinh năm 1978; số CCCD: 019078001002

Cùng nơi thường trú: Xóm P, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị B và anh Hà Văn N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Hà Văn N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Các đương sự xác định vợ chồng có 03 con chung là Hà Thu H, sinh ngày 22/10/2003 (đã trưởng thành, đủ sức khỏe để tự lao động và học tập) Toà án không giải quyết; Hà Kim O sinh 11/11/2011 và Hà Đức H1 sinh 01/03/2022, các đương sự thống nhất thỏa thuận:

Giao con chung Hà Kim O, sinh ngày 11/11/2011 cho anh Hà Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

Giao con chung Hà Đức H1 sinh ngày 01/03/2022 cho chị Hoàng Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị B và anh N cho đến khi các bên có yêu cầu.

Chị Hoàng Thị B và anh Hà Văn N có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh N xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Chị Hoàng Thị B tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000243 ngày 15/7/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên, hoàn trả cho chị Hoàng Thị B 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 4 - Thái Nguyên;
- UBND xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên (ĐKKH số 15 quyển số 03 do UBND xã Vô Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/8/2003);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, BP (9).

THẨM PHÁN

Chu Thị Bích Hiền